

Số: /QĐ-BNN-TT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án tái canh cà phê giai đoạn 2021-2025

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định 1297/QĐ-BNN-TT ngày 29/03/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt đề cương, dự toán thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đề án “Tái canh cà phê giai đoạn 2021-2025”;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Đề án tái canh cà phê giai đoạn 2021-2025, với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. QUAN ĐIỂM

1. Tái canh cà phê góp phần cơ cấu lại ngành hàng cà phê Việt Nam phát triển theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm.

2. Tái canh cà phê chỉ thực hiện ở vườn cà phê già cỗi, năng suất thấp theo nguyện vọng của các đối tượng trồng cà phê.

3. Tái canh cà phê phải đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật được cấp có thẩm quyền ban hành.

4. Tái canh cà phê phải phát huy mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế và sự hỗ trợ của nhà nước.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tái canh cà phê nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và thu nhập cho người trồng cà phê; qua đó nâng cao khả năng cạnh tranh, giá trị gia tăng, góp phần phát triển bền vững ngành hàng cà phê.

2. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2021-2025

- Trồng tái canh và ghép cải tạo khoảng 107 nghìn ha cà phê; trong đó, trồng tái canh 75 nghìn ha, ghép cải tạo 32 nghìn ha.

- Năng suất vườn cà phê sau khi trồng tái canh và ghép cải tạo ở thời kỳ kinh doanh ổn định đạt bình quân 3,5 tấn nhân/ha.

- Thu nhập/ha cà phê sau khi trồng tái canh và ghép cải tạo tăng 1,5 - 2 lần so với trước khi tái canh.

III. ĐỊNH HƯỚNG TÁI CANH CÀ PHÊ TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG

1. Diện tích trồng tái canh, ghép cải tạo cà phê và tiến độ thực hiện tại 5 tỉnh Tây Nguyên giai đoạn 2021-2025

- Diện tích tái canh cà phê giai đoạn 2021-2025 tại 5 tỉnh vùng Tây Nguyên khoảng 91 nghìn ha; trong đó, trồng tái canh 64 nghìn ha, ghép cải tạo 27 nghìn ha. Chia theo từng tỉnh như sau:

+ Lâm Đồng: Tổng diện tích tái canh 36.000 ha; trong đó, trồng tái canh 15.000 ha, ghép cải tạo 21.000 ha.

+ Đắk Lắk: Tổng diện tích tái canh 24.000 ha; trong đó, trồng tái canh 23.000 ha, ghép cải tạo 1.000 ha.

+ Đắk Nông: Tổng diện tích tái canh 18.000 ha; trong đó, trồng tái canh 14.000 ha, ghép cải tạo 4.000 ha.

+ Gia Lai: Tổng diện tích tái canh 11.000 ha; trong đó, trồng tái canh 10.000 ha, ghép cải tạo 1.000 ha.

+ Kon Tum: Trồng tái canh 2.000 ha.

- Tiến độ thực hiện theo từng năm như sau:

+ Năm 2021 (đã thực hiện): Tổng diện tích tái canh 16.000 ha; trong đó, trồng tái canh 12.100 ha, ghép cải tạo 3.900 ha.

+ Năm 2022: Tổng diện tích tái canh 17.000 ha; trong đó, trồng tái canh 12.100 ha, ghép cải tạo 4.900 ha.

+ Năm 2023: Tổng diện tích tái canh 18.500 ha; trong đó, trồng tái canh 13.100 ha, ghép cải tạo 5.400 ha.

+ Năm 2024: Tổng diện tích tái canh 19.500 ha; trong đó, trồng tái canh 13.100 ha, ghép cải tạo 6.400 ha.

+ Năm 2025: Tổng diện tích tái canh 20.000 ha; trong đó, trồng tái canh 13.600 ha, ghép cải tạo 6.400 ha.

(Chi tiết như phụ lục 1 đính kèm)

2. Diện tích trồng tái canh, ghép cải tạo cà phê và tiến độ thực hiện tại các vùng khác

- Diện tích tái canh cà phê giai đoạn 2021-2025 tại các tỉnh trồng cà phê khác khoảng 16.000 ha, gồm trồng tái canh 11.000 ha và ghép cải tạo 5.000 ha. Chia theo từng tỉnh như sau:

+ Sơn La: Tổng diện tích tái canh 8.500 ha; trong đó, trồng tái canh 4.000 ha, ghép cải tạo 4.500 ha.

- + Điện Biên: Trồng tái canh 1.100 ha.
- + Quảng Trị: Tổng diện tích trồng tái canh 2.400 ha.
- + Bình Phước: Tổng diện tích tái canh 2.300 ha; trong đó, trồng tái canh 2.100 ha, ghép cải tạo 200 ha.
- + Đồng Nai: Tổng diện tích tái canh 1.600 ha; trong đó, trồng tái canh 1.300 ha, ghép cải tạo 300 ha.
- + Bà Rịa - Vũng Tàu: Trồng tái canh 100 ha.
- Tiến độ theo từng năm như sau:
 - + Năm 2021 (đã thực hiện): Tổng diện tích tái canh 2.020 ha; trong đó, trồng tái canh 1.420 ha, ghép cải tạo 600 ha.
 - + Năm 2022: Tổng diện tích tái canh 3.320 ha; trong đó, trồng tái canh 2.220 ha, ghép cải tạo 1.100 ha.
 - + Năm 2023: Tổng diện tích tái canh 3.520 ha; trong đó, trồng tái canh 2.420 ha, ghép cải tạo 1.100 ha.
 - + Năm 2024: Tổng diện tích tái canh 3.720 ha; trong đó, trồng tái canh 2.620 ha, ghép cải tạo 1.100 ha.
 - + Năm 2025: Tổng diện tích tái canh 3.420 ha; trong đó, trồng tái canh 2.320 ha, ghép cải tạo 1.100 ha.

(Chi tiết như phụ lục 2 đính kèm)

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Xây dựng kế hoạch trồng tái canh và ghép cải tạo cà phê

- UBND tỉnh hoàn chỉnh kế hoạch trồng tái canh và ghép cải tạo cà phê trên địa bàn gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp làm cơ sở báo cáo cấp có thẩm quyền hỗ trợ theo chính sách thực hiện Đề án.

- Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu trồng tái canh và ghép cải tạo vườn cà phê đăng ký kế hoạch với Ủy ban nhân dân cấp xã và liên hệ với Ngân hàng để vay vốn tái canh cà phê.

2. Về khoa học công nghệ

- Nâng cao năng lực nghiên cứu, chuyển giao công nghệ trồng tái canh và ghép cải tạo cà phê cho các đơn vị khoa học công nghệ thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT và các địa phương.

- Nghiên cứu, chọn tạo các giống cà phê mới thích hợp cho từng vùng sinh thái theo hướng năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, có khả năng cơ giới hóa khâu thu hoạch, rải vụn thu hoạch...

- Tiếp tục xây dựng hệ thống vườn giống đủ tiêu chuẩn tại các địa phương, đáp ứng đủ nhu cầu giống trồng tái canh và ghép cải tạo vườn cà phê.

- Tăng cường thực hiện các giải pháp quản lý nhà nước về giống cà phê theo quy định của pháp luật để người trồng cà phê được sử dụng giống đúng tiêu chuẩn, giá cả phù hợp.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng tái canh và ghép cải tạo cà phê phù hợp với từng vùng sinh thái, nâng cao tỷ lệ diện tích trồng tái canh và ghép cải tạo cà phê thành công; từng bước nhân rộng diện tích cà phê theo mô hình cảnh quan, phù hợp với từng điều kiện cụ thể.

- Tuyên truyền, chuyển giao quy trình kỹ thuật trồng tái canh và ghép cải tạo cà phê cho người sản xuất.

3. Về chính sách

- Tổ chức thực hiện tốt các chính sách: Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp; chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp; chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất.

- Báo cáo các cấp có thẩm quyền ban hành một số chính sách mới về: Gói tín dụng hỗ trợ tái canh cà phê; hỗ trợ đo đạc, lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân trồng tái canh cà phê; hỗ trợ cây giống, chồi giống trồng tái canh và ghép cải tạo cà phê.

4. Về hợp tác quốc tế

- Tăng cường hợp tác với các nước và các tổ chức quốc tế về khoa học kỹ thuật phục vụ tái canh cà phê như: Nghiên cứu chọn tạo giống, phòng trừ sâu bệnh, tưới nước tiết kiệm, quy trình sản xuất tiên tiến, chứng nhận chất lượng, vệ sinh an toàn lao động; công nghệ bảo quản và chế biến cà phê, xúc tiến thương mại tiêu thụ cà phê.

- Thúc đẩy các biện pháp hợp tác với Ngân hàng thế giới và các tổ chức quốc tế khác để hỗ trợ vay vốn ODA thực hiện trồng tái canh và ghép cải tạo cà phê với lãi suất thấp; tăng cường hợp tác công tư trong khâu trồng, chế biến, tiêu thụ cà phê.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Nông nghiệp và PTNT

Giao Cục Trồng trọt là đơn vị đầu mối giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo, triển khai thực hiện Đề án; định kỳ tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả triển khai thực hiện, những khó khăn vướng mắc và phương án giải quyết nhằm đạt mục tiêu Đề án.

2. Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh vùng tái canh cà phê

Tham mưu cho UBND tỉnh triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn; tham mưu ban hành cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tái canh cà phê tại địa phương; định kỳ

báo cáo kết quả thực hiện, khó khăn vướng mắc và phương án giải quyết về Bộ Nông nghiệp và PTNT.

3. Các đối tượng tham gia tái canh cà phê

a) Tổng Công ty cà phê Việt Nam

- Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch trồng tái canh và ghép cải tạo cà phê; tổng hợp kế hoạch gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT, đồng thời gửi Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh sở tại.

- Tham gia xây dựng cơ chế, chính sách thực hiện Đề án; phối hợp với Cục Trồng trọt và Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh sở tại thực hiện trồng tái canh và ghép cải tạo cà phê theo kế hoạch được duyệt.

b) Các hộ trồng cà phê

Tham gia đề xuất cơ chế, chính sách thực hiện Đề án; chủ động thực hiện tái canh vườn cà phê theo hướng dẫn của Chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan.

4. Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam

Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT, Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh thực hiện Đề án: Xây dựng cơ chế, chính sách thực hiện Đề án; tuyên truyền, phổ biến các nội dung Đề án, chính sách thực hiện Đề án, quy trình trồng tái canh và ghép cải tạo cà phê và thực hiện các hỗ trợ khác (nếu có).

5. Các Bộ, Ngành liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT và các địa phương trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện Đề án.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Trồng trọt, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh trồng cà phê chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC, NHNNVN, TN&MT;
- Bộ trưởng Bộ NN&PTNT (để báo cáo);
- UBND tỉnh, Sở NN & PTNT các tỉnh: Đắk Lắk, Lâm Đồng, Gia Lai, Đắk Nông, Kon Tum, Quảng Trị, Sơn La, Điện Biên, Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu;
- TCT cà phê VN;
- Hiệp hội Cà phê - Ca cao VN;
- Lưu: VT, TT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Quốc Doanh

Phụ lục 1:

**QUY MÔ, ĐỊA BÀN VÀ TIẾN ĐỘ TÁI CANH CÀ PHÊ
5 TỈNH VÙNG TÂY NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TT ngày tháng năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

ĐVT: Ha

Hạng mục	Tổng số	Tiến độ tái canh theo năm				
		Năm 2021 ^(*)	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1. Đắk Nông	18.000	3.000	3.000	4.000	4.000	4.000
- Tái canh	14.000	2.500	2.500	3.000	3.000	3.000
- Ghép cải tạo	4.000	500	500	1.000	1.000	1.000
2. Đắk Lắk	24.000	4.500	4.500	4.900	4.900	5.200
- Tái canh	23.000	4.300	4.300	4.700	4.700	5.000
- Ghép cải tạo	1.000	200	200	200	200	200
3. Gia Lai	11.000	2.200	2.200	2.200	2.200	2.200
- Tái canh	10.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000
- Ghép cải tạo	1.000	200	200	200	200	200
4. Kon Tum	2.000	300	300	400	400	600
- Tái canh	2.000	300	300	400	400	600
- Ghép cải tạo	-	-	-	-	-	-
5. Lâm Đồng	36.000	6.000	7.000	7.000	8.000	8.000
- Tái canh	15.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000
- Ghép cải tạo	21.000	3.000	4.000	4.000	5.000	5.000
Tổng số	91.000	16.000	17.000	18.500	19.500	20.000
- Tái canh	64.000	12.100	12.100	13.100	13.100	13.600
- Ghép cải tạo	27.000	3.900	4.900	5.400	6.400	6.400

() : Tổng diện tích cà phê đã tái canh năm 2021.*

Phụ lục 2:
QUY MÔ, ĐỊA BÀN VÀ TIẾN ĐỘ TÁI CANH CÀ PHÊ CÁC TỈNH VÙNG
TRUNG DU MNPB, MIỀN TRUNG VÀ ĐÔNG NAM BỘ
GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TT ngày tháng năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

ĐVT: Ha

Hạng mục	Tổng số	Tiến độ tái canh qua các năm				
		Năm 2021*	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1. Trung du MNPB	9.600	1.000	2.200	2.300	2.300	1.800
<i>a. Điện Biên</i>	1.100	-	200	300	300	300
- Tái canh	1.100	-	200	300	300	300
- Ghép cải tạo	-	-	-	-	-	-
<i>b. Sơn La</i>	8.500	1.000	2.000	2.000	2.000	1.500
- Tái canh	4.000	500	1.000	1.000	1.000	500
- Ghép cải tạo	4.500	500	1.000	1.000	1.000	1.000
2. Miền Trung	2.400	300	400	500	600	600
<i>Quảng Trị</i>	2.400	300	400	500	600	600
- Tái canh	2.400	300	400	500	600	600
- Ghép cải tạo	-	-	-	-	-	-
3. Đông Nam Bộ	4.000	720	720	720	820	1.020
<i>a. Bình Phước</i>	2.300	440	440	440	440	540
- Tái canh	2.100	400	400	400	400	500
- Ghép cải tạo	200	40	40	40	40	40
<i>b. Đồng Nai</i>	1.600	260	260	260	360	460
- Tái canh	1.300	200	200	200	300	400
- Ghép cải tạo	300	60	60	60	60	60
<i>c. Bà Rịa - Vũng Tàu</i>	100	20	20	20	20	20
- Tái canh	100	20	20	20	20	20
- Ghép cải tạo	-	-	-	-	-	-
Tổng số	16.000	2.020	3.320	3.520	3.720	3.420
- Tái canh	11.000	1.420	2.220	2.420	2.620	2.320
- Ghép cải tạo	5.000	600	1.100	1.100	1.100	1.100

(*): Tổng diện tích cà phê đã tái canh năm 2021.